

Bài 10: CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA (TRUNG QUỐC)



- Diện tích: 9572,8 nghìn km²
- Dân số: Tính đến 31/3/2020 dân số Trung Quốc hơn 1,4 tỉ người
- Thủ đô: Bắc Kinh

Tiết 1: TỰ NHIÊN – DÂN CƯ – XÃ HỘI

**Vị trí địa
lí và lãnh
thổ**

1

**Điều kiện
tự nhiên**

2

**Dân cư và
xã hội**

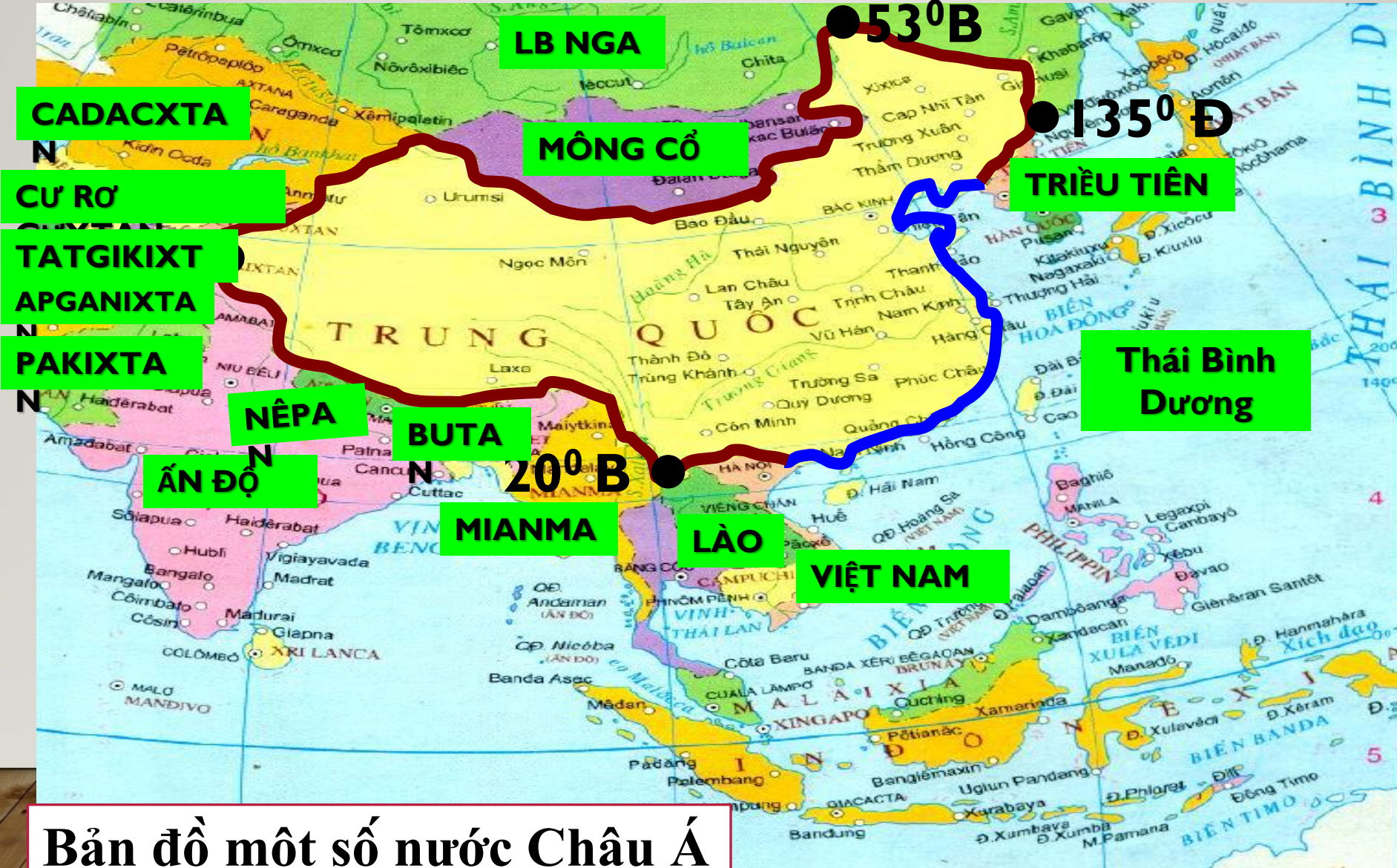
3

I. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ VÀ LÃNH THỔ:

1. Vị trí:



Hãy xác định vị trí địa lý của Trung Quốc?

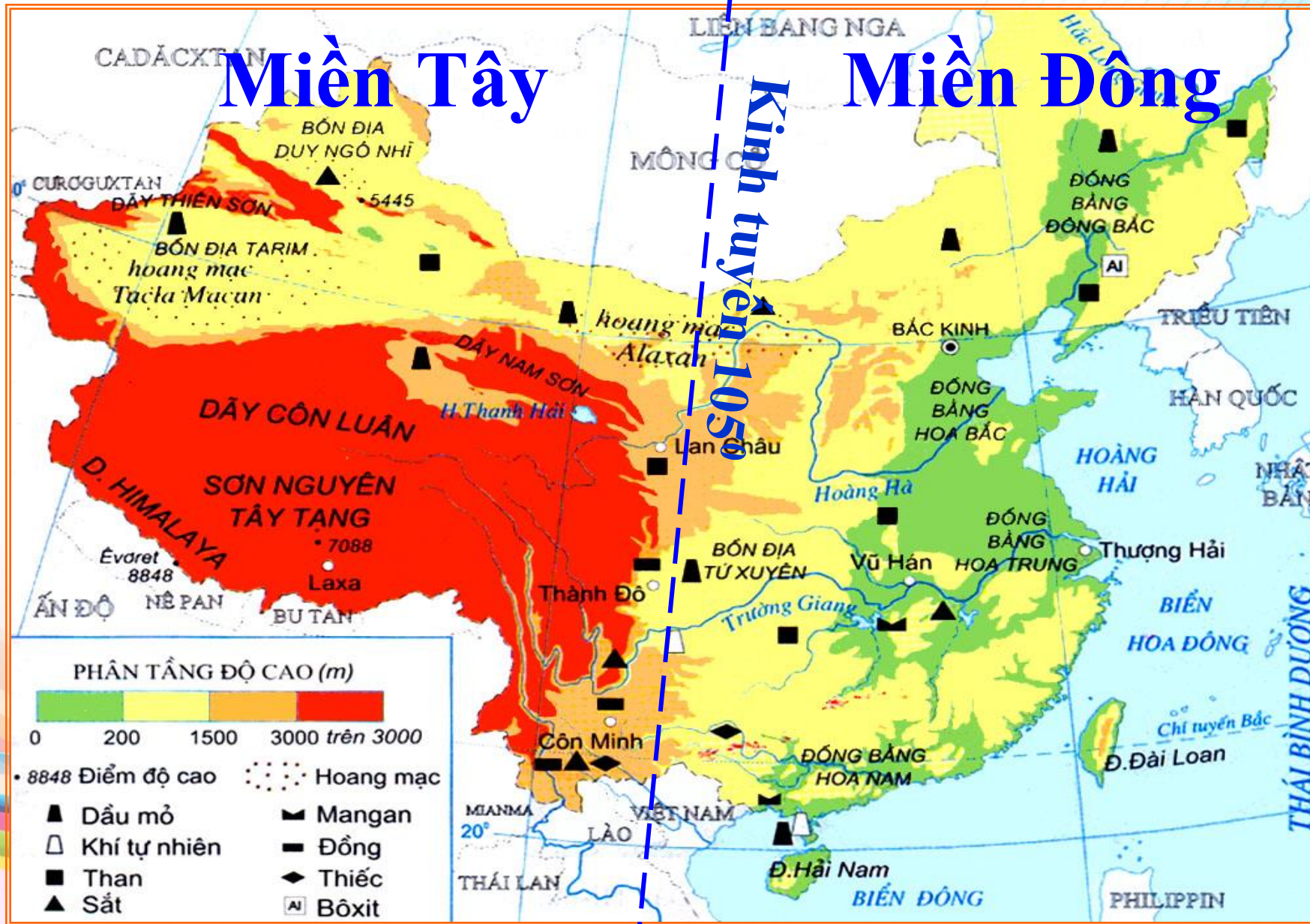


Bản đồ một số nước Châu Á

I. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ LÃNH THỔ

- Diện tích lớn đứng thứ 4 thế giới
 - Nằm vĩ độ từ khoảng 20°B - 53°B
 - Nằm phía đông của châu Á, tiếp giáp với 14 nước trên lục địa
 - Phía Đông tiếp giáp với Thái Bình Dương (đường bờ biển dài 9000 km)
 - Có 22 tỉnh, 5 khu tự trị và 4 thành phố trực thuộc trung ương, 2 đặc khu hành chính
- * Ý nghĩa:
- + Cảnh quan thiên nhiên đa dạng
 - + Dễ dàng mở rộng quan hệ với các nước trong khu vực và trên thế giới bằng đường bộ và đường biển
 - + Khó khăn: Quản lí đất nước, thiên tai,...

II. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN:



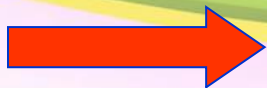
Bản đồ địa hình và khoáng sản Trung Quốc

II. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN:



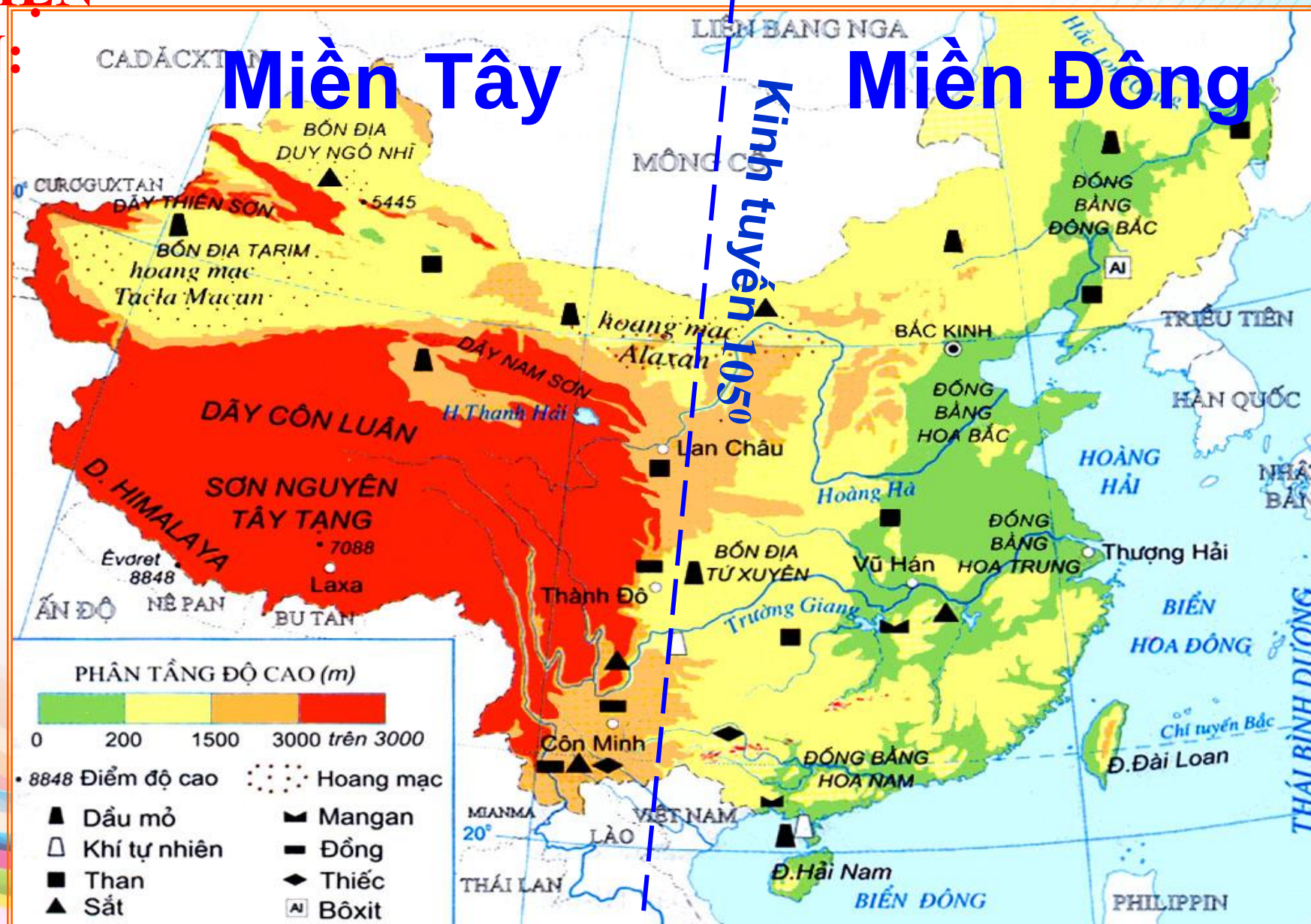
Dựa vào lược đồ Địa hình & Khoáng sản Trung Quốc, mục II SGK và hiểu biết của bản thân để thảo luận nhóm và hoàn thành phiếu học tập (thời gian 3 phút).

Đặc điểm	Miền Đông	Miền Tây
Địa hình		
Khí hậu		
Thổ nhưỡng		
Thủy văn		
Khoáng sản		



**Rút ra nhận xét về thuận lợi và khó khăn
đối với phát triển KT-XH?**

II. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN:



Bản đồ địa hình và khoáng sản Trung Quốc

II. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN:

Nhân tố	Miền Đông	Miền Tây
Địa hình	Vùng <u>núi thấp</u> , và các <u>vùng đồng bằng</u> màu mỡ: Hoa Bắc, Hoa Trung, Hoa Nam,... -> Thuận lợi <u>cho việc phát triển nhiều ngành kinh tế và cư trú</u>	Gồm nhiều dãy <u>núi cao</u> Hymalaya, Thiên Sơn. Các <u>cao nguyên</u> đồ sộ và các bồn địa -> Khó khăn cho <u>giao thông</u> , khai thác tài nguyên, cư trú
Khí hậu	<u>Ôn đới gió mùa</u> : phía Bắc phía Nam <u>cận nhiệt đới gió mùa</u> Lượng mưa : >1000 mm/năm -> Phát triển <u>nông nghiệp đa dạng</u>	Ôn đới lục địa <u>khắc nghiệt</u> , mưa ít. Lượng mưa < 300mm/năm -> Khó khăn cho sx và sinh hoạt
Thủy văn	<u>Hạ lưu</u> nhiều sông lớn: Hoàng Hà, Trường Giang, Tây Giang,... -> Thuận lợi cho <u>GTVT, nguồn nước cho sản xuất</u>	Là <u>nơi bắt nguồn</u> của nhiều hệ thống sông lớn. Có giá trị <u>thủy điện lớn</u>
Khoáng sản	Khí đốt, dầu mỏ, than, sắt. -> Thuận lợi phát triển <u>công nghiệp</u>	Kém phong phú, chủ yếu phân bố ở phía Bắc: dầu mỏ, than, sắt...

Dãy Hi-ma-lay-a



Sơn nguyên Tây Tạng



Hoang mạc Gôbi

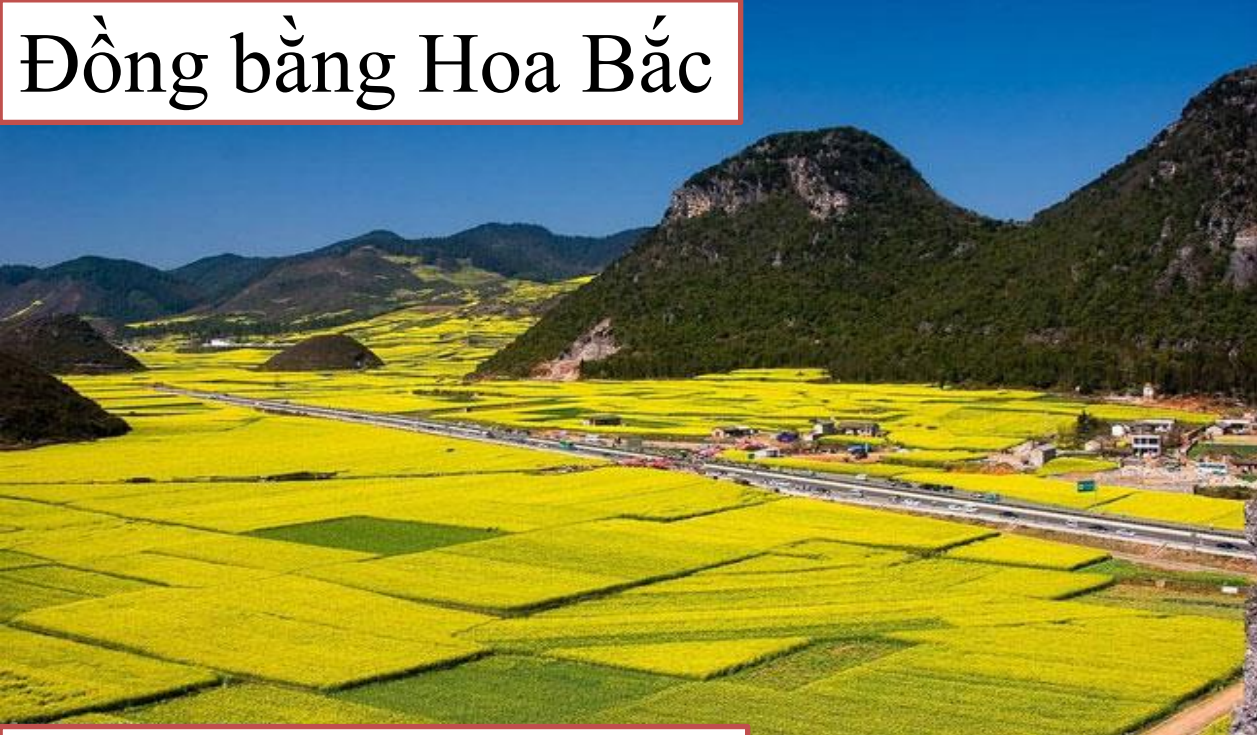


Bồn địa Tarim



Miền Tây

Đồng bằng Hoa Bắc



Sông Hoàng Hà



Sông Trường Giang



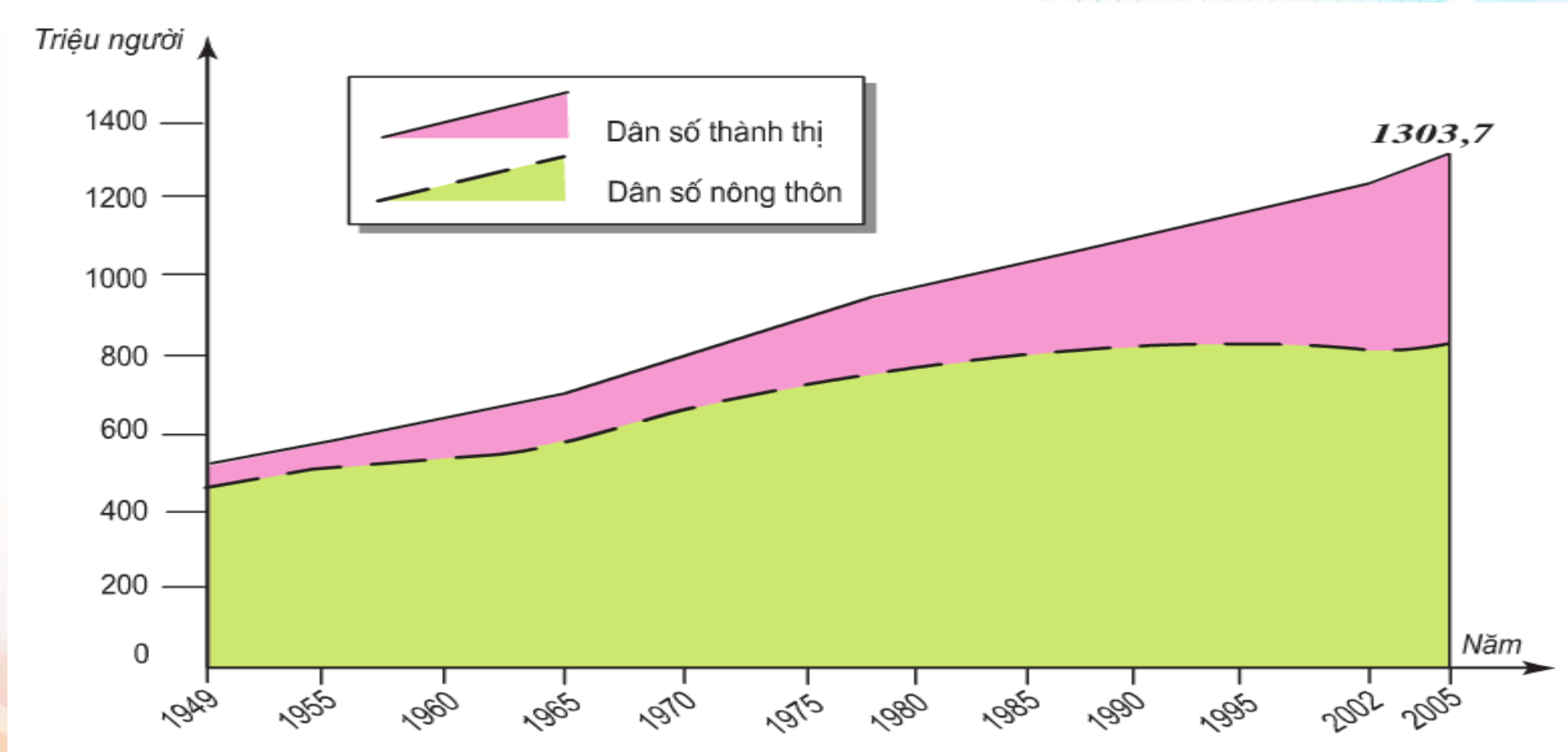
Đồng bằng đất đỏ (Đông Xuyên)



Miền Đông

III. DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI:

1. Dân cư:



Dân số Trung Quốc giai đoạn 1949-2005



Quan sát hình 10.3, nhận xét sự thay đổi tổng dân số, dân số nông thôn và dân số thành thị của Trung Quốc ?

III. DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI:

1. Dân cư:

Trung Quốc đã có những biện pháp gì để giảm sự gia tăng dân số?



Thực hiện chính sách dân số triệt để -> mỗi gia đình chỉ có 1 con.



ÁP PHÍCH TUYÊN TRUYỀN

III. DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI

1. Dân cư

- Đặc điểm dân cư:
 - Có dân số **đồng nhất** thế giới (chiếm **1/5** dân số thế giới)
 - Tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên **giảm** (năm 2005 còn **0,6%**) nhưng số người tăng hằng năm vẫn nhiều
 - > thực hiện chính sách dân số **triệt để** - mỗi gia đình chỉ sinh **một con** (đến năm 2015 sau 30 năm chấm dứt chính sách này)
 - Kết quả của chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình: Tích cực: gia tăng tự nhiên **giảm** và ở mức **thấp** (năm 2005 là 0,6%)

Tiêu cực: + **Cơ cấu giới tính mất cân đối**

+ **Ảnh hưởng tới nguồn lao động**

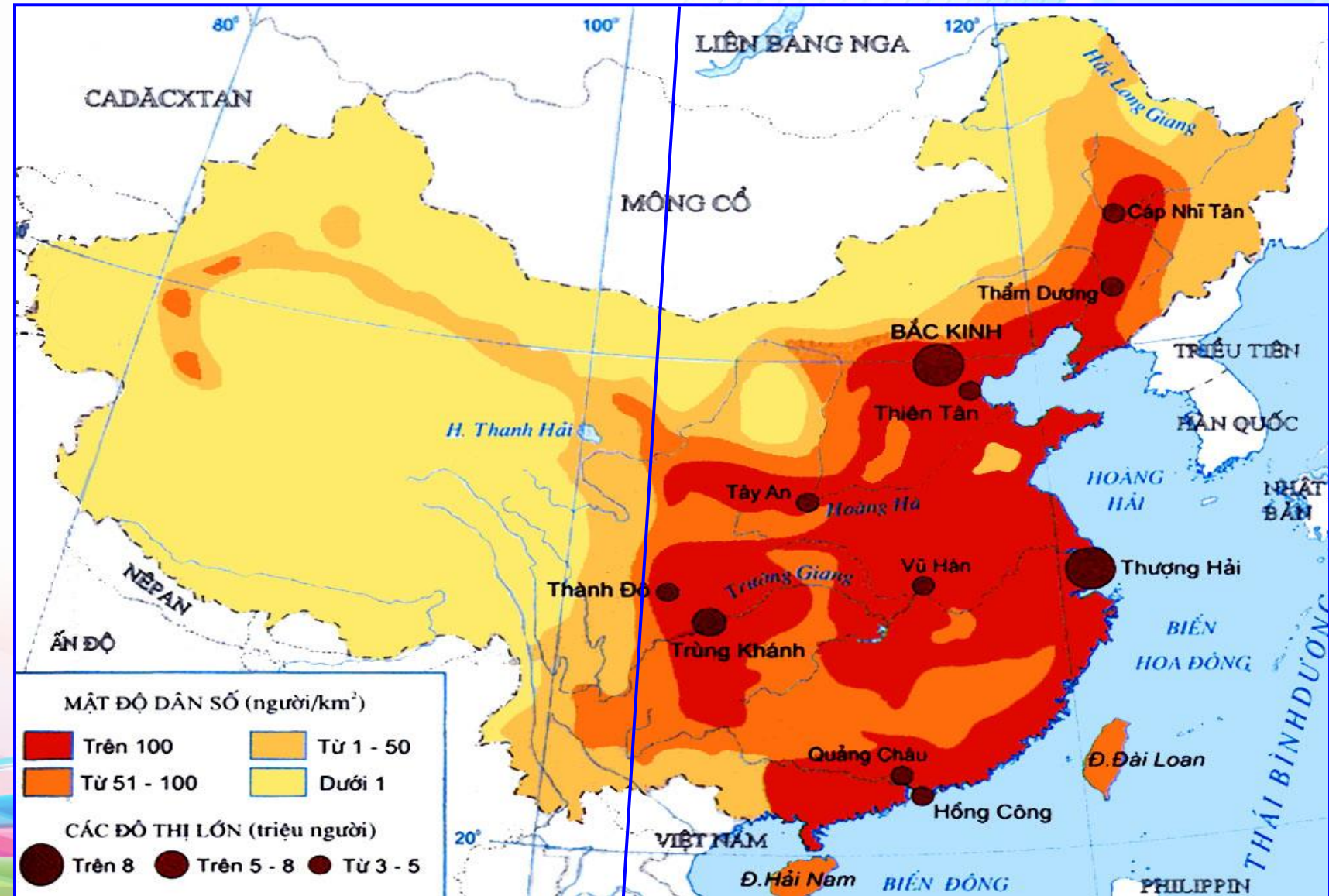
+ **Làm gia tăng các tệ nạn xã hội : buôn bán phụ nữ, trẻ em,...**

- Có thành phần dân tộc đa dạng (trên 50 dân tộc khác nhau, chủ yếu là người Hán)

III. DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI:

1. Dân cư:

Quan sát lược đồ phân bố dân cư Trung Quốc, nhận xét và giải thích sự phân bố dân cư giữa 2 miền Đông-Tây?



Phân bố dân cư Trung Quốc

III. DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI

1. Dân cư

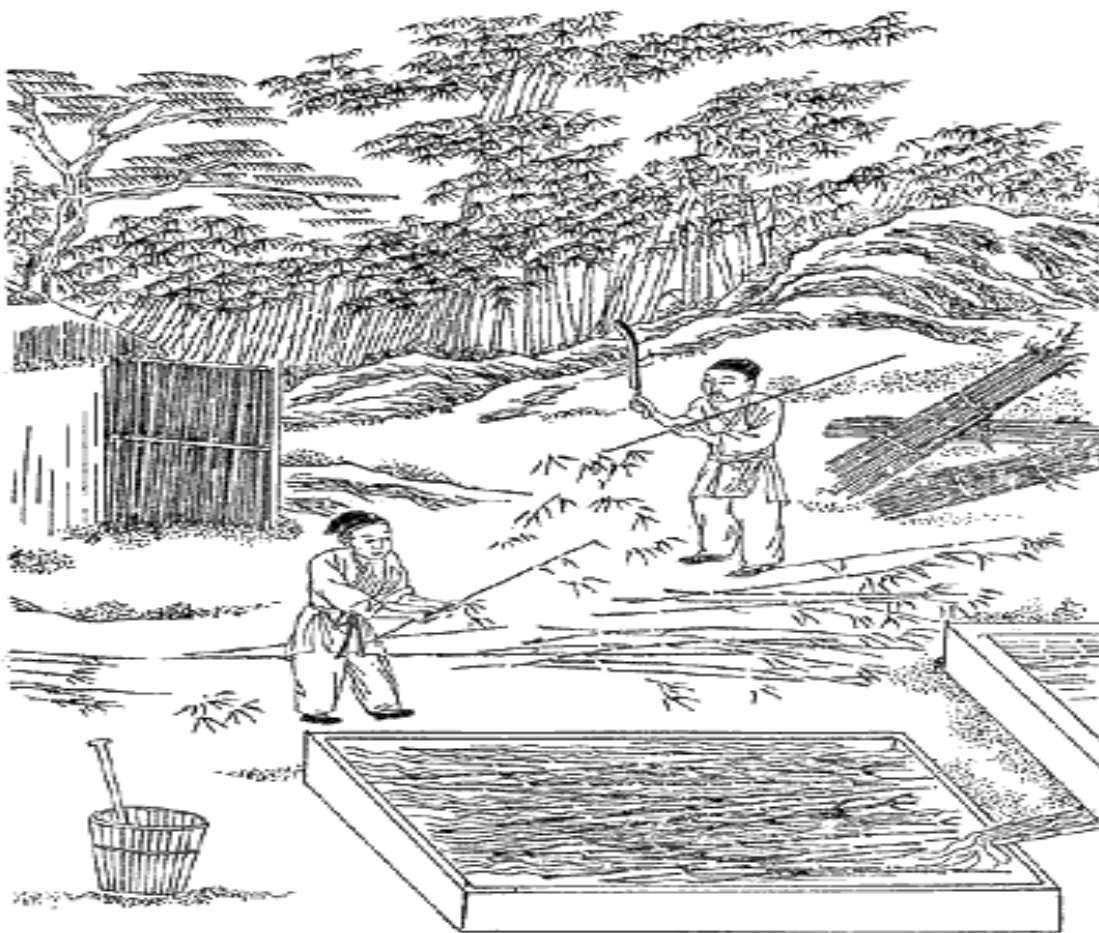
* Phân bố dân cư

- Phân bố dân cư **không đồng đều**
- + Dân cư tập trung đông ở miền **Đông**, miền **Tây** thưa thớt
- + 63% dân số sống ở **nông thôn**, dân **thành thị** chiếm 37%, tỉ lệ dân thành thị tăng
- ⇒ **Miền Đông: Thiếu việc làm, thiếu nhà ở, môi trường bị ô nhiễm**
- ⇒ **Miền Tây: Thiếu lao động trầm trọng**

III. DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI:

2. Xã hội: Học sinh tự học Kỹ thuật làm giấy

塘漂竹斬



Chữ viết 500 năm TCN





La bàn

III. DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI:

2. Xã hội: Học sinh tự học

- Một quốc gia có nền văn minh lâu đời
- + Có nhiều công trình kiến trúc nổi tiếng: Cung điện, lâu đài, đền chùa
- + Nhiều phát minh quý giá: giấy, la bàn, thuốc nổ,...
- > Thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội (đặc biệt là du lịch)
- Hiện nay Trung Quốc rất chú trọng phát triển giáo dục : Tỷ lệ người biết chữ từ 15 tuổi trở lên gần 90% (2005) , đội ngũ lao động có chất lượng cao.



KIẾN THỨC CẦN NẮM

I. Vị trí địa lí và lãnh thổ:

- Nằm ở Đông Á- Trung Á.
- Tiếp giáp với nhiều quốc gia.
- Nằm gần các khu vực có hoạt động kinh tế sôi động.
- Lãnh thổ rộng lớn.

II. Điều kiện tự nhiên:

- Thiên nhiên đa dạng.
- Có sự khác nhau giữa miền Đông và miền Tây về địa hình, khí hậu, thổ nhưỡng, thủy văn, khoáng sản

III. Dân cư và xã hội

- Dân số đông nhất thế giới.
- Tỷ suất gia tăng tự nhiên giảm nhưng dân số tăng.
- Phân bố chủ yếu ở miền Đông.
- Rất đa dạng về thành phần dân cư
- Nền văn minh lâu đời.



CỦNG CỐ

MIỀN ĐÔNG

MIỀN TÂY

1. Đại bộ phận là phù sa châu thổ rộng lớn

2. Khí hậu ôn đới lục địa khắc nghiệt

3. Sông nhỏ, dòng chảy tạm thời

4. Nổi tiếng với nhiều loại khoáng sản kim loại màu

5. Chủ yếu là núi cao, sơn nguyên và bồn địa rộng lớn

6. Dân cư tập trung đông

7. Hay chịu ảnh hưởng của bão, lũ lụt

8. Tiếp giáp với Thái Bình Dương

9. Thiếu nước, GTVT khó khăn

NHIỆM VỤ

- Nhiệm vụ 1:

Học bài cũ

- Nhiệm vụ 2:

Làm bài tập trang 90, SGK Địa lý 11

- Nhiệm vụ 3:

Lập đề cương bài Trung Quốc (Tiết 2: Kinh Tế)

- Nhiệm vụ 4:

Tìm hiểu trước các khái niệm, các ngành kinh tế ở Trung Quốc